

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	7 - 21

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Thanh Hải	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18/04/2012
Ông Lê Thị Bích Huệ	Phó Chủ tịch	
Ông Trần Văn Long	Ủy viên	Miễn nhiệm chủ tịch ngày 18/04/2012
Ông Mai Văn Minh	Ủy viên	
Ông Tạ Quốc Bảo	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 14/04/2012

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Thanh Hải	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19/06/2012
Ông Mai Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Thị Bích Huệ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19/06/2012

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hoàng Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 27 tháng 03 năm 2013

Số: 075 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bằng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 và thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là báo cáo tài chính) của Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 27/03/2013 từ trang 03 đến trang 21 kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi lưu ý người sử dụng báo cáo tài chính như sau:

Trong năm, Công ty đã xác định giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo hướng dẫn tại Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21/08/2012 của Bộ Tài chính. Thu nhập được xác định giảm 30% bao gồm thu nhập chênh lệch từ đánh giá lại tài sản đem góp vốn vào Công ty con với giá trị là 44.455.986.172 đồng, số thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty xác định được giảm tương ứng với thu nhập trên là 3.334.198.963 đồng. Theo Công văn số 342/CT-TT&HT ngày 19/03/2013 của Cục Thuế Hải Phòng trả lời Công ty về việc giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp nêu trên, theo đó Cục Thuế Hải Phòng hướng dẫn Công ty xác định giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp theo các Nghị định số 56/2009/NĐ-ngày 30/06/2009 của Chính Phủ và Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21/08/2012 của Bộ Tài chính.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0517/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2013



Trịnh Thị Hồng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0026/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		88.001.667.796	64.000.127.459
I-	Tiền	110		719.751.647	700.700.146
1.	Tiền	111	4	719.751.647	700.700.146
II-	Các khoản phải thu	130		24.626.338.661	7.095.775.860
1.	Phải thu của khách hàng	131	5	24.519.165.726	6.437.275.019
2.	Trả trước cho người bán	132		72.000.000	628.191.040
3.	Các khoản phải thu khác	135		35.172.935	30.309.801
III-	Hàng tồn kho	140	6	61.517.205.601	55.393.703.626
1.	Hàng tồn kho	141		61.517.205.601	55.393.703.626
IV-	Tài sản ngắn hạn khác	150		1.138.371.887	809.947.827
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		85.066.015	33.315.409
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.037.193.901	776.632.418
3.	Tài sản ngắn hạn khác	158		16.111.971	-
B-	TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250)	200		93.798.579.301	32.791.166.390
I-	Tài sản cố định	220		21.798.579.301	32.791.166.390
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	7	21.798.579.301	32.791.166.390
	- Nguyên giá	222		24.979.169.563	48.160.602.911
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.180.590.262)	(15.369.436.521)
II-	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		72.000.000.000	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251	8	72.000.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		270		181.800.247.097	96.791.293.849

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A-	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		61.720.765.520	57.975.560.381
I-	Nợ ngắn hạn	310		59.720.765.520	53.127.085.709
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	9	38.960.036.006	35.776.773.919
2.	Phải trả cho người bán	312	10	8.102.186.840	10.719.436.249
3.	Người mua trả tiền trước	313		36.487.836	594.492.849
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	10.264.589.701	3.333.801.999
5.	Phải trả người lao động	315		988.503.445	1.721.167.469
6.	Chi phí phải trả	316	12	470.349.620	358.097.017
7.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	433.337.046	340.123.651
8.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		465.275.026	283.192.556
II-	Nợ dài hạn	330		2.000.000.000	4.848.474.672
1.	Vay và nợ dài hạn	334	14	2.000.000.000	4.355.775.922
2.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	492.698.750
B-	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		120.079.481.577	38.815.733.468
I-	Vốn chủ sở hữu	410	15	120.079.481.577	38.815.733.468
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		94.922.000.000	16.900.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	4.439.500.000
3.	Quỹ đầu tư phát triển	417		646.751.137	2.967.251.137
4.	Quỹ dự phòng tài chính	418		1.070.154.053	685.698.735
5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		23.440.576.387	13.823.283.596
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		440		181.800.247.097	96.791.293.849



Hoàng Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 27 tháng 03 năm 2013

Lê Thị Bích Huệ
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Lan Phương
Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

NỘI DUNG	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Nam 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		261.144.487.549	163.220.682.858
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	16	261.144.487.549	163.220.682.858
4. Giá vốn hàng bán	11	17	230.287.041.297	133.345.334.193
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		30.857.446.252	29.875.348.665
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	22.615.370	28.451.096
7. Chi phí tài chính	22	20	5.996.054.148	6.302.936.578
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.958.506.088	6.298.362.544
8. Chi phí bán hàng	24		2.906.374.334	1.215.878.332
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.896.291.341	5.902.949.946
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		15.081.341.799	16.482.034.905
11. Thu nhập khác	31		46.834.217.778	304.467.586
12. Chi phí khác	32		1.858.560.157	78.421.070
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	21	44.975.657.621	226.046.516
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		60.056.999.420	16.708.081.421
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	10.509.974.899	2.923.914.249
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60		49.547.024.521	13.784.167.172



Hoàng Thanh Hải
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 27 tháng 03 năm 2013

[Handwritten signature]

Lê Thị Bích Huệ
Kế toán trưởng

[Handwritten signature]

Trịnh Thị Lan Phương
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	60.056.999.420	16.708.081.421
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	2	2.866.763.886	2.576.531.170
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	30.120.301	(4.809.665)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(44.478.583.303)	(20.953.016)
- Chi phí lãi vay	6	5.958.506.088	6.298.362.544
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	24.433.806.392	25.557.212.454
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9	(17.807.236.255)	5.601.356.864
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(6.123.501.975)	(19.681.482.866)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.510.664.252	11.859.470.449
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(51.750.606)	23.730.647
- Tiền lãi vay đã trả	13	(5.710.128.493)	(7.078.222.718)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.191.042.227)	(2.004.770.877)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	556.501.979	452.454.515
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(7.958.660.043)	(11.594.828.166)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(13.341.346.976)	3.134.920.302
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(7.567.021.358)	(10.217.215.329)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	22.597.131	20.953.016
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.544.424.227)	(10.196.262.313)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	180.020.731.898	134.254.223.109
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(157.193.245.733)	(127.943.036.810)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.922.681.700)	(2.700.525.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	20.904.804.465	3.610.661.299
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	19.033.262	(3.450.680.712)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	700.700.146	4.139.574.001
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	18.239	11.806.857
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	719.751.647	700.700.146



Hoàng Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 27 tháng 03 năm 2013

Lê Thị Bích Huệ
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Lan Phương
Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0203000691 ngày 13/01/2004; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 10/08/2012.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 94.922.000.000 đồng..

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2012 là 48 người (tại ngày 31/12/2011 là 255 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất đồ điện dân dụng
- Đại lý, môi giới, đấu giá
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện
- Sản xuất máy thông dụng khác
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
- Đại lý du lịch
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường tủ, bàn ghế và đồ nội thất
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- Sản xuất sản phẩm từ Plastic

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Hình thức kế toán áp dụng

Nhật ký chung

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Các bên liên quan gồm:

- Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty.
- Công ty Cổ phần Điện cơ Phong Lan - Công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt và ~~các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.~~

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được trình bày trên bảng cân đối kế toán khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả đồng thời.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá trị ghi sổ của khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền năm. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2012
	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	8 – 25
Máy móc thiết bị	3 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị quản lý	3 – 5
Tài sản cố định khác	10

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty mẹ nắm trên 50% quyền kiểm soát. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc trên bảng cân đối kế toán.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn khi vốn góp thực tế của Công ty tại các công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của công ty mẹ và tổng số vốn góp thực tế của các bên vào các đơn vị này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí lãi vay, chi phí điện nước, chi phí kinh doanh khác.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế được phân phối và trích lập các quỹ theo quyết định của đại hội đồng cổ đông và điều lệ Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ được ghi nhận trên khoản mục doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí hoạt động tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
- Tiền mặt tại quỹ	51.158.107	64.099.750
- Tiền gửi ngân hàng	668.593.540	636.600.396
	719.751.647	700.700.146

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Điện cơ Phong Lan	16.437.367.720	-
- Công ty TNHH MTV Quang điện - Điện tử	886.913.110	2.250.792.430
- Doanh nghiệp tư nhân Thuận phong	397.523.670	397.523.670
- Công ty Hà nội Ching Hai Electric Works Co.ltd	1.057.167.099	418.144.650
- Các đối tượng khác	5.740.194.127	3.370.814.269
	24.519.165.726	6.437.275.019

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	27.620.422.703	25.010.979.295
- Công cụ, dụng cụ tồn kho	598.810.946	256.479.308
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	628.073.371
- Thành phẩm	-	20.452.182.370
- Hàng hóa tồn kho	33.297.971.952	9.045.989.282
Cộng	61.517.205.601	55.393.703.626
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
	61.517.205.601	55.393.703.626

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG
Số 734 Nguyễn Văn Linh – Lê Chân – Hải Phòng,

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P.tiện vận tải, t.bị truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2012	27.011.997.183	18.997.733.859	1.905.909.130	22.727.273	222.235.466	48.160.602.911
Tăng trong kỳ	14.596.380.000	3.647.690.450	1.404.950.908	-	-	19.649.021.358
- Mua sắm mới	-	532.589.230	254.041.818	-	-	786.631.048
- XDCB, lắp đặt bàn giao	4.600.000.000	1.029.483.220	1.150.909.090	-	-	6.780.392.310
- Nhận vốn góp	9.996.380.000	2.085.618.000	-	-	-	12.081.998.000
Giảm trong kỳ	23.479.471.839	18.806.560.726	322.186.675	-	222.235.466	42.830.454.706
- Đầu tư vào Công ty con	23.479.471.839	18.806.560.726	-	-	222.235.466	42.508.268.031
- Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	-	322.186.675	-	-	322.186.675
Số dư tại 31/12/2012	18.128.905.344	3.838.863.583	2.988.673.363	22.727.273	-	24.979.169.563
HAO MÓN LUY KẾ						
Số dư tại 01/01/2012	4.453.116.379	10.095.264.643	816.131.255	4.924.243	-	15.369.436.521
Tăng trong năm	1.484.141.525	1.071.185.358	295.779.775	4.545.455	11.111.773	2.866.763.886
- Trích khấu hao trong kỳ	1.484.141.525	1.071.185.358	295.779.775	4.545.455	11.111.773	2.866.763.886
Giảm trong năm	4.186.948.413	10.766.194.017	91.355.942	-	11.111.773	15.055.610.145
- Đầu tư vào Công ty con	4.186.948.413	10.766.194.017	-	-	11.111.773	14.964.254.203
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	91.355.942	-	-	91.355.942
Số dư tại 31/12/2012	1.750.309.491	400.255.984	1.020.555.088	9.469.698	-	3.180.590.262
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2012	22.558.880.804	8.902.469.216	1.089.777.875	17.803.030	222.235.466	32.791.166.390
Số dư tại 31/12/2012	16.378.595.853	3.438.607.599	1.968.118.275	13.257.575	-	21.798.579.301

Ghi chú:

Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là: 191.173.133 đồng. Giá trị còn lại của TSCĐ đem thế chấp cho các khoản vay là 3.871.670.391 đồng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
- Góp vốn vào Công ty con	72.000.000.000	-
	72.000.000.000	-

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Điện cơ Phong Lan	Số 734 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng	90,00%	90,00%	Sản xuất quạt điện

9. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn	37.960.036.006	33.662.492.419
- Ngân hàng Công thương Hồng Bàng (*)	37.960.036.006	33.662.492.419
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.000.000.000	2.114.281.500
- Ngân hàng Công thương Hồng Bàng	1.000.000.000	2.114.281.500
	38.960.036.006	35.776.773.919

Ghi chú:

(*) Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 01/HM/2012 với hạn mức cho vay 58.000.000.000 VND đã bao gồm dư nợ thực tế hết ngày 10/08/2012 của Hợp đồng tín dụng số 01/HM/2011 ngày 01/07/2011 chuyển sang. Thời hạn duy trì mức cho vay từ ngày 10/08/2012 đến ngày 30/06/2013. Mục đích vay là phục vụ sản xuất kinh doanh, mở L/C trả thay thanh toán bằng vốn vay theo ngành nghề kinh doanh của công ty. Lãi suất cho vay trong bất kỳ kỳ hạn tính lãi nào sẽ là lãi suất năm và bằng tổng của lãi suất cơ sở và biên độ 8%/năm đối với trường hợp nhận nợ bằng VND, lãi suất cho vay VND áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên là 13,5%/năm. Tài sản thế chấp là toàn bộ vật kiến trúc gắn liền với đất đai tại số 734 Nguyễn Văn Linh, phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng và máy móc thiết bị, phương tiện vận tải của Bên B theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/PTVT/2012 ký ngày 28/09/2012.

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
- Công ty Cổ phần XNK Hà Việt	-	2.103.479.678
- Công ty TNHH Tân Thành	1.015.169.034	1.695.284.052
- Công ty TNHH thương mại Phú Lâm	940.500.000	-
- Công ty TNHH TMDV Dương Trường Giang	823.648.925	-
- Công ty TNHH Tâm Chiến Tachiko	742.500.000	-
- Công ty TNHH Sơn bột tinh điện Akzo Nobel	419.932.250	1.234.048.716
- Công ty TNHH Dây và cáp điện Luckysun	225.066.128	511.092.305
- Công ty TNHH Vạn Đạt	-	931.905.973
- Các đối tượng khác	3.935.370.503	4.243.625.525
	8.102.186.840	10.719.436.249

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.242.646.921	2.923.714.249
- Thuế Nhập khẩu	7.025.284	62.167.992
- Thuế thu nhập cá nhân	14.917.496	220.071.758
- Thuế đất	-	127.848.000
	10.264.589.701	3.333.801.999

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
-Chi phí lãi vay	162.117.656	232.570.230
-Chi phí sản xuất kinh doanh khác	308.231.964	125.526.787
	470.349.620	358.097.017

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	29.255.653	-
- Kinh phí công đoàn	404.081.393	340.123.651
	433.337.046	340.123.651

14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
- Ngân hàng Công thương Hồng Bàng	2.000.000.000	4.355.775.922
	2.000.000.000	4.355.775.922

Ghi chú

Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02/2010/TH ngày 15/01/2010, bản sửa đổi hợp đồng số 01 ngày 22/12/2010, theo đó, số tiền vay: 4.500.000.000 VND. Mục đích vay: Xây dựng nhà xưởng sản xuất quạt và mua sắm máy móc, thiết bị. Thời hạn cho vay: 60 tháng. Lãi suất cho vay: 17,5%/năm. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai của dự án Xây dựng nhà xưởng sản xuất quạt và mua sắm máy móc thiết bị.

Khoản vay trên được hoàn trả theo lịch biểu sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư và phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư ngày 01/01/2011	16.900.000.000	-	4.439.500.000	-	2.637.527.208	-	394.862.642	-	4.227.755.290	-	28.599.645.140	-
Tăng trong năm trước	-	-	-	-	329.723.929	-	320.329.043	-	13.784.167.172	-	14.434.220.144	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	13.784.167.172	-	13.784.167.172	-
Trích các quỹ	-	-	-	-	329.723.929	-	320.329.043	-	-	-	650.052.972	-
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	-	-	29.492.950	-	4.188.638.866	-	4.218.131.816	-
Phân phối quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	1.272.638.866	-	1.272.638.866	-
Chi quỹ	-	-	-	-	-	-	29.492.950	-	-	-	29.492.950	-
Chi trả cổ tức 2010	-	-	-	-	-	-	-	-	2.028.000.000	-	2.028.000.000	-
Tạm ứng cổ tức 2011 (i)	-	-	-	-	-	-	-	-	845.000.000	-	845.000.000	-
Giảm khác (i)	-	-	-	-	-	-	-	-	43.000.000	-	43.000.000	-
Số dư ngày 01/01/2012	16.900.000.000	-	4.439.500.000	-	2.967.251.137	-	685.698.735	-	13.823.283.596	-	38.815.733.468	-
<i>Tăng trong kỳ này</i>	<i>78.022.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>413.525.015</i>	<i>-</i>	<i>49.547.024.521</i>	<i>-</i>	<i>127.982.549.536</i>	<i>-</i>
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	49.547.024.521	-	49.547.024.521	-
Phát hành thêm cổ phiếu (iii)	78.022.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	78.022.000.000	-
Trích các quỹ	-	-	-	-	-	-	413.525.015	-	-	-	413.525.015	-
Giảm trong kỳ này	-	-	4.439.500.000	-	2.320.500.000	-	29.069.697	-	39.929.731.730	-	46.718.801.427	-
Phân phối quỹ (i)	-	-	-	-	-	-	-	-	827.050.030	-	827.050.030	-
Thường Ban điều hành (i)	-	-	-	-	-	-	-	-	232.681.700	-	232.681.700	-
Chi trả cổ tức 2011 bằng tiền (i)	-	-	-	-	-	-	-	-	1.690.000.000	-	1.690.000.000	-
Trả cổ tức, thưởng 2011 bằng cổ phiếu (i)	-	-	4.439.500.000	-	2.320.500.000	-	-	-	10.140.000.000	-	16.900.000.000	-
Tạm ứng cổ tức năm 2012 bằng cổ phiếu (ii)	-	-	-	-	-	-	-	-	27.040.000.000	-	27.040.000.000	-
Chi quỹ	-	-	-	-	-	-	29.069.697	-	-	-	29.069.697	-
Số dư ngày 31/12/2011	94.922.000.000	-	-	-	646.751.137	-	1.070.154.053	-	23.440.576.387	-	120.079.481.577	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Ghi chú:

(i) Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 14/04/2011 thì lợi nhuận năm 2011 được phân phối vào quỹ dự phòng tài chính 413.525.015 đồng, quỹ khen thưởng phúc lợi là 413.525.015 đồng, quỹ thưởng ban điều hành là 275.683.343 đồng (đã tạm ứng năm 2011 là: 43.000.000 đồng) và chi trả cổ tức bằng cổ phiếu là: 10.140.000.000 đồng, chi trả cổ tức bằng tiền là 2.535.000.000 đồng (đã tạm ứng năm 2011 là: 845.000.000 đồng). Cũng theo Nghị quyết này Công ty chia cổ phiếu thưởng từ thặng dư cổ phần 4.439.500.000 đồng và từ quỹ đầu tư phát triển 2.320.500.000 đồng.

(ii) Theo Nghị quyết số 02/2012/ĐCHP/NQ - ĐHCĐ ngày 24/06/2012 của Đại hội đồng cổ đông bất thường và Theo nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/2012/ĐCHP/NQ - HĐQT ngày 09/07/2012, thực hiện việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2012 bằng cổ phiếu. Loại cổ phần: cổ phần phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng/Cổ phần. Số lượng cổ phần phát hành là 2.704.000 cổ phần, giá trị 27.040.000.000 đồng Nguồn phát hành từ lợi nhuận sau thuế. Ngày phát hành 14/07/2012.

(iii) Phân hành thêm cổ phiếu bao gồm:

- Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu, chia cổ phiếu thưởng	: 16.900.000.000 đồng.
- Nhận vốn góp bằng tài sản	: 12.082.000.000 đồng.
- Nhận vốn góp từ vốn vay	: 22.000.000.000 đồng.
- Tạm ứng cổ tức 2012 bằng cổ phiếu	: 27.040.000.000 đồng.

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty:

	31/12/2012	31/12/2011
Cổ phiếu phổ thông		
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	9.492.200	1.690.000 cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	9.492.200	1.690.000 cổ phiếu
+ Mệnh giá của cổ phiếu	10.000	10.000 đồng/ cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	9.492.200	1.690.000 cổ phiếu

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Theo Giấy đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp tại 31/12/2012	
	VND	(%)	VND	(%)
Hoàng Thanh Hải	13.072.540.000	13,8%	13.072.540.000	13,8%
Lê Thị Bích Huệ	3.526.250.000	3,7%	3.526.250.000	3,7%
Nguyễn Việt Dũng	4.000.000.000	4,2%	4.000.000.000	4,2%
Phạm Tiến Dũng	4.183.000.000	4,4%	4.183.000.000	4,4%
Nguyễn Quốc Tuấn	4.500.000.000	4,7%	4.500.000.000	4,7%
Vũ Văn Nam	4.000.000.000	4,2%	4.000.000.000	4,2%
Nguyễn Văn Chuốt	3.381.300.000	3,6%	3.381.300.000	3,6%
Nguyễn Khánh Cường	3.028.000.000	3,2%	3.028.000.000	3,2%
Nguyễn Thị Thanh Hào	3.000.000.000	3,2%	3.000.000.000	3,2%
Phan Quang Huy	3.500.000.000	3,7%	3.500.000.000	3,7%
Khác	48.730.910.000	51,3%	48.730.910.000	51,3%
Cộng	94.922.000.000	100%	94.922.000.000	100%

16. DOANH THU

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng	261.144.487.549	163.220.682.858
	261.144.487.549	163.220.682.858

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Giá vốn hàng bán	230.287.041.297	133.345.334.193
	230.287.041.297	133.345.334.193

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	80.549.302.357	91.711.681.992
- Chi phí nhân công	9.742.384.408	11.339.356.247
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.170.658.829	2.576.531.170
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.395.225.049	3.213.532.705
- Chi phí khác	1.007.852.202	1.250.668.597
	96.865.422.845	110.091.770.711

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Lãi tiền gửi cho vay	22.597.131	28.451.096
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	18.239	-
	22.615.370	28.451.096

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Lãi tiền vay	5.958.506.088	6.298.362.544
- Chênh lệch tỷ giá thực hiện	6.449.366	-
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	30.138.540	2.688.415
- Lãi chậm trả BHXH	960.154	1.885.619
	5.996.054.148	6.302.936.578

21. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Chênh lệch giá trị tài sản góp vốn vào công ty con	44.455.986.172	-
- Thu nhập khác	2.378.231.606	304.467.586
<i>Thu nhập khác</i>	46.834.217.778	304.467.586
- Chi phí khác	1.858.560.157	78.421.070
<i>Chi phí khác</i>	1.858.560.157	78.421.070
Lợi nhuận khác	44.975.657.621	226.046.516

Chênh lệch giá trị tài sản góp vốn vào công ty con là chênh lệch giữa giá trị còn lại của tài sản so với giá trị tài sản được xác định là vốn góp vào công ty con được các cổ đông chấp thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	60.056.999.420	16.708.081.421
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	60.056.999.420	16.708.081.421
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	15.014.249.855	4.177.020.356
Trừ: Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (*)	4.504.274.956	1.253.106.107
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.509.974.899	2.923.914.249

Ghi chú:

(*) Công ty được giảm 30% thuế TNDN phải nộp cho năm 2012 theo hướng dẫn tại Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21/08/2012 của Bộ Tài chính, trong phần thu nhập chênh lệch từ đánh giá lại tài sản đem góp vốn vào Công ty con. Thu nhập từ đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn là 44.455.986.172 đồng, số thuế TNDN giảm tương ứng là 3.334.198.963 đồng. Trong báo cáo tài chính này, Công ty đã xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo thông tư trên. Cũng theo Công văn số 342/CT-TT&HT ngày 19/03/2013 của Cục Thuế Hải Phòng trả lời Công ty về việc giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp nêu trên, theo đó Cục Thuế Hải Phòng hướng dẫn Công ty xác định giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp theo các Nghị định số 56/2009/NĐ-ngày 30/06/2009 của Chính Phủ và Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21/08/2012 của Bộ Tài chính.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không còn sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4).

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính ngắn và dài hạn khác. Công nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2012		01/01/2012	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	719.751.647	-	700.700.146	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	24.554.338.661	-	6.467.584.820	-
	25.274.090.308	-	7.168.284.966	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	40.960.036.006	40.132.549.841
Phải trả người bán, phải trả khác	10.041.615.886	11.059.559.900
Chi phí phải trả	470.349.620	358.097.017
	51.472.001.512	51.550.206.758

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản trong tương lai) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác như cổ phiếu.

Rủi ro về tỷ giá

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa để phục vụ hoạt động kinh doanh, nên Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro hàng hóa bằng việc theo dõi và phân tích thông tin liên quan đến thị trường hàng hóa mà Công ty kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho thời điểm mua bán hàng hóa, kế hoạch kinh doanh và xác định định mức tồn kho hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	719.751.647	-	-	719.751.647
Phải thu khách hàng, phải thu khác	24.554.338.661	-	-	24.554.338.661
	25.274.090.308	-	-	25.274.090.308
Tại ngày 01/01/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	700.700.146	-	-	700.700.146
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.467.584.820	-	-	6.467.584.820
	7.168.284.966	-	-	7.168.284.966

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết mà Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro thanh khoản

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2012				
Vay và nợ	40.960.036.006	-	-	40.960.036.006
Phải trả người bán, phải trả k	8.535.523.886	-	-	8.535.523.886
Chi phí phải trả	470.349.620	-	-	470.349.620
	49.965.909.512	-	-	49.965.909.512
Tại ngày 01/01/2012				
Vay và nợ	40.132.549.841	-	-	40.132.549.841
Phải trả người bán, phải trả k	11.059.559.900	-	-	11.059.559.900
Chi phí phải trả	358.097.017	-	-	358.097.017
	51.550.206.758	-	-	51.550.206.758

24. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM

Ngày 24/06/2012, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua nghị quyết số 02/2012/ĐCHP/NQ-ĐHCD về việc góp vốn bằng tài sản trị giá 72.000.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần Điện cơ Phong Lan. Công ty Cổ phần Điện cơ Phong Lan được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0201269184 ngày 25/06/2012.

Ngày 28 tháng 12 năm 2012, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đã ra quyết định số 581/QĐ-SGDHN về việc chấp nhận niêm yết cổ phiếu của Công ty, theo đó số lượng cổ phiếu niêm yết của Công ty là 9.492.200 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phiếu, mã cổ phiếu là DHP.

25. CHIA CỔ TỨC TRONG NĂM

Theo nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/2012/ĐCHP/NQ - HĐQT ngày 09/07/2012, thực hiện việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2012 bằng cổ phiếu theo Nghị quyết số 02/2012/ĐCHP/NQ - ĐHĐCĐ đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường của công ty thông qua ngày 24/06/2012. Loại cổ phần: cổ phần phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng/Cổ phần. Số lượng cổ phần phát hành là 2.704.000 cổ phần tương ứng 27.040.000.000 đồng. Nguồn phát hành từ lợi nhuận sau thuế. Ngày phát hành 14/07/2012.

26. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ

Theo thông báo số 141/TB-SGDHN ngày 14/03/2013, cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 21/03/2013.

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số trên báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán. Chỉ tiêu tài sản thiếu chờ xử lý được trình bày lại ở mục tài sản ngắn hạn khác.

Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2011 Đã kiểm toán	31/12/2011 Trình bày lại	Chênh lệch
Điều chỉnh chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán				
Các khoản phải thu khác	135	30.309.801	24.300.000	(6.009.801)
Tài sản ngắn hạn khác	158	-	6.009.801	6.009.801



Hoàng Thanh Hải
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 27 tháng 03 năm 2013

Lê Thị Bích Huệ
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Lan Phương
Người lập biểu